

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02/8/2024

V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Phú, bà Lê Thị Thanh Vân.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Lê PH Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 320/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa 76/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01/7/2024, Thông báo hoãn phiên tòa ngày 16/7/2024, Thông báo mở lại phiên tòa ngày 15/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đàm Thị Thu H**, sinh năm 1990; ĐKHKTT: Số 13 A, phường A1, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: Số 9A, phường A2, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Đỗ Đức T**, sinh năm 1995; ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Số 13 A, phường A1, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh T đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị của nguyên đơn chị **Đàm Thị Thu H**, thể hiện: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Đỗ Đức T** được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND phường A1, thành phố H ngày 23 tháng 9 năm 2015. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, có lần anh T còn đánh đập, chửi bới chị. Anh T không có trách nhiệm với gia đình, không chịu khó làm ăn. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị đã về gia đình nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2019, đến năm 2022, anh T xin lỗi chị nên chị đã bỏ qua và quay lại chung sống cùng anh T. Tuy nhiên tình trạng vợ chồng không cải thiện được nên khoảng tháng 10/2023, chị đã làm đơn xin ly hôn anh T sau đó anh T xin lỗi nên chị lại rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ tuy nhiên mâu thuẫn giữa vợ

chồng cũng không khắc phục được. Nay chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với anh T không còn nên chị giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T; Vợ chồng chị không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thông qua bố mẹ đề anh T có quan điểm chị H xin ly hôn anh T nhất trí ly hôn.

Lời khai người thân gia đình anh T thể hiện: Chị H, anh T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Hai bên gia đình đã hòa giải cho anh chị nhưng vẫn không khắc phục được. Nay chị H xin ly hôn đề nghị giải quyết cho chị H, anh T ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Đàm Thị Thu H ly hôn anh Đỗ Đức T; Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường A1, thành phố H. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là anh T vẫn vắng mặt. Chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh T là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị H, anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh T. Lời khai người thân gia đình anh T thể hiện quá

trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Thông qua người thân anh T có quan điểm đồng ý ly hôn. Mâu thuẫn của anh, chị đã được gia đình hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Hội đồng xét xử xét thấy chị H, anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T không đưa ra quan điểm về vấn đề này nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị H xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đàm Thị Thu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đàm Thị Thu H ly hôn anh Đỗ Đức T.

- Về án phí: Buộc chị Đàm Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003243 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Đàm Thị Thu H và anh Đỗ Đức T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường A1, TP Hải Dương để lưu hồ tịch (ĐKKH: 23/9/2015);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan

